

Bản án số: 02/2020/KDTM - ST

Ngày : 11/8/2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ - TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Á Khanh, cán bộ hưu trí huyện Ứng Hòa, Hà Nội;
2. Ông Đỗ Huy Sáu, nguyên bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên Tòa :
Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST - KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2020 về : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 02/2020/QĐXX - KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 15/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng nông nghiệp); trụ sở : Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật : Ông Tiết Văn Thành, chức danh : Tổng giám đốc ủy quyền thường xuyên cho bà Lê Thị Minh Thu. là giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Ứng Hòa, Hà Tây (*Theo văn bản : Quyết định ủy quyền số 2966/QĐ-HĐTV-PV ngày 27/12/2019*), bà Thu có văn bản ủy quyền lại cho các ông, bà : Đình Phúc Ánh, là phó giám đốc chi nhánh Hà Tây; Nguyễn Thị Uyên, giám đốc phòng giao dịch Cầu Lão; Lã Anh Tuấn, trưởng phòng tín dụng chi nhánh Hà Tây (*Theo văn bản ủy quyền số 292/NHNo-GUQ ngày 04/6/2020*); bà Uyên, ông Ánh có mặt.

2. Bị đơn :

2.1 Ông Nguyễn Duyên T, sinh năm 1962;

2.2 Bà Phùng Thị T, sinh năm 1965

Đều có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng : Thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, đều vắng mặt không lý do.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993;

3.2 Cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2012;

Đều có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng : Thôn T, xã C, huyện U, thành phố Hà Nội, đều vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Uyển trình bày : Ngày 29 tháng 10 năm 2013 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), tại phòng giao dịch Cầu Lão – chi nhánh huyện Ứng Hòa Hà Tây (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng nông nghiệp) cùng ông Nguyễn Duyên T đã ký hợp đồng tín dụng số 1644 có nội dung : Ngân hàng nông nghiệp cho ông Nguyễn Duyên T vay số tiền theo tổng mức tín dụng là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay : Chăn nuôi lợn; lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay đã thỏa thuận. Sau khi hết hạn hợp đồng trên, số tiền dư nợ còn lại là 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Đến ngày 31/10/2014 Ngân hàng tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 2439 với Nguyễn Duyên T để cho ông Toàn vay số tiền theo tổng mức tín dụng là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Số tiền dư nợ của hợp đồng 1644 được chuyển sang hợp đồng này; về thời hạn, mục đích, lãi suất đều được giữ nguyên của hợp đồng 1644. Theo đó Ngân hàng nông nghiệp đã giải ngân cho ông Nguyễn Duyên T số tiền trên thành 05 lần mỗi lần đều có giấy nhận nợ; thời hạn cho vay đối với mỗi giấy nhận nợ đều khoảng từ 6 đến 7 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm giải ngân, nếu khách hàng không trả theo thời hạn trên đều bị chuyển sang nợ quá hạn được quy định trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác của mình đối với Ngân hàng nông nghiệp hộ gia đình ông Nguyễn Duyên T đã thế chấp bằng tài sản, cụ thể : Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T002689, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00317 QSDĐ/ƯH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 12/4/2004 cho hộ ông Nguyễn Duyên T. Chi tiết tài sản bảo đảm: Thửa đất số 533; Tờ bản đồ số 04; Địa chỉ thửa đất: Thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (Nay là

thành phố Hà Nội); diện tích 197,0m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 197,0m², sử dụng chung: 0m²; Mục đích sử dụng: Đất ở; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01271.2012 ngày 27/9/2012; số công chứng: 0271.2012, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/9/2012 tại văn phòng công chứng Trần Gia (Nay là văn phòng công chứng Trần Hoàng Lâm), đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/9/2012. Giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp là 850.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng : Kể từ khi vay tiền ông Nguyễn Duyên T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết. Khoản nợ vay của ông T đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 21/3/2015. Ngân hàng nông nghiệp đã rất nhiều lần làm việc trực tiếp, đôn đốc, yêu cầu ông toàn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông Toàn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng.

Hiện tại gia đình ông Nguyễn Duyên T và vợ là Phùng Thị T đã đi khỏi địa phương, trước khi đi không thông báo cho Ngân hàng nông nghiệp nên Ngân hàng không biết đi đâu. Để đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình Ngân hàng nông nghiệp đã làm đơn khởi kiện ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T ra Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà giải quyết buộc :

- Ông Nguyễn Duyên T và bà Phùng Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank – Chi nhánh huyện Ứng Hòa – trả tại phòng giao dịch Cầu Lỗ toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 11/8/2020 tổng số tiền nợ là **784.362.150** đồng (*Bảy trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc 476.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 66.685.050 đồng; nợ lãi quá hạn : 308.162.150 đồng;

- Ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi ông T, bà T trả hết nợ gốc cho Agribank;

- Trường hợp ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (nêu trên) để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T : Theo Ngân hàng nông nghiệp cung cấp cũng như Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương là thôn Tử Dương, xã Cao Thành; Công An và Ủy ban nhân dân xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cung cấp cho biết : Ông Nguyễn Duyên

T và vợ là Phùng Thị T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Thời gian gần đây do làm ăn thua lỗ nên gia đình ông T, bà T đi khỏi địa phương, đi đâu làm gì, do không khai báo tạm vắng nên chính quyền không biết. Qua xem xét hồ sơ vay tiền do Ngân hàng nông nghiệp cung cấp việc ông Nguyễn Duyên T đã làm thủ tục và đã vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Cầu Lỗ như Ngân hàng trình bày ở trên là đúng. Để bảo đảm cho khoản vay trên hộ gia đình ông T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất như đã nêu trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Hộ gia đình ông Nguyễn Duyên T là có các thành viên, và những thành viên có đủ điều kiện theo luật định đã tham gia ký hợp đồng thế chấp gồm có : Bà Phùng Thị T, ông Nguyễn Duyên T và con gái là Nguyễn Thị N, do gia đình ông Toàn không có mặt ở địa phương nên Tòa không làm việc được.

Tại phiên tòa :

- Đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên quan điểm : Đề nghị Tòa buộc vợ chồng ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T có nghĩa vụ trả Ngân hàng số tiền gốc, lãi như trên, nếu không trả được thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa kết luận:

+ Về tố tụng : Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật. Người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung : Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Ứng Hòa, Hà Tây, tại phòng giao dịch Cầu Lỗ đã ký kết hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Duyên T, theo đó đã giải ngân cho ông T số tiền 500.000.000đ; để bảo đảm cho khoản vay hộ gia đình ông T đã ký kết hợp đồng thế chấp, thế chấp nhà đất. Nay vợ chồng ông T, bà T không trả Ngân hàng gia đình đã bỏ đi khỏi địa phương và không biết cư trú ở đâu. Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc vợ chồng ông T, bà T phải trả Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, lãi. Nếu không trả được thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và tố tụng :

1.1 Về Thẩm quyền : Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (Nguyên đơn) đã nộp đơn cùng các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án được xác định

là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Ứng Hòa, Hà Tây với bị đơn là ông Lê Văn T, bà Phùng Thị T, gia đình ông T, bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N đều có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng là thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Bị đơn vay tiền để kinh doanh (Có giấy phép đăng ký kinh doanh), các bên đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào : Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân TỐI CAO hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án được xác định là án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội;

1.2 Về những vấn đề tố tụng : Đối với địa chỉ của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Theo đơn khởi kiện và sổ hộ khẩu thường trú của các thành viên trong hộ ông Nguyễn Duyên T là đều trú tại thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Sau khi thụ lý vụ án Tòa tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, xác minh thì được biết vợ chồng ông Toàn, bà Thu cùng toàn bộ gia đình đã đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ cư trú cho Ngân hàng, không khai báo tạm trú nên Ngân hàng cũng như chính quyền xã Cao Thành không biết gia đình ông T đi đâu. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân TỐI CAO hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa tiến hành giải quyết theo thủ tục chung; Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; phiên tòa ngày 15/7/2020 do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và niêm yết quyết định hoãn, giấy triệu tập, vì vậy phiên tòa hôm nay Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung :

2.1 Xem xét hợp đồng tín dụng thấy : Ngày 31 tháng 10 năm 2014 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, tại phòng giao dịch Cầu Lã – chi nhánh huyện Ứng Hòa Hà Tây với ông Nguyễn Duyên T đã ký kết số 2439 có nội dung : Ngân hàng nông nghiệp cho ông Nguyễn Duyên T vay số tiền theo tổng mức tín dụng là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), trong đó có 450.000.000đ được chuyển từ hợp đồng số 1644; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay là : Chăn nuôi lợn; lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,0%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay đã thỏa thuận. Theo đó Ngân hàng nông nghiệp đã giải ngân cho ông Nguyễn Duyên T số tiền trên thành 05 lần mỗi lần đều có giấy nhận nợ; từng thời điểm nhận nợ đều khoảng từ 6 đến 7 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm giải ngân, nếu khách hàng không trả theo thời hạn trên đều bị chuyển sang nợ quá hạn được quy định trong hợp

đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T chưa trả được tiền gốc, lãi. Vì vậy, số nợ còn lại tính đến ngày 11/8/2020 (ngày xét xử) tổng số tiền nợ là : **784.362.150** đồng (*Bảy trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc 476.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 66.685.050 đồng; nợ lãi quá hạn : 308.162.150 đồng;

2.2 Về lãi suất : Theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận là lãi suất 9,0%/năm, cho toàn bộ quá trình vay, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định pháp luật và Ngân hàng Nhà nước quy định về lãi suất. Xem xét bảng kê tính lãi của Ngân hàng là đúng và phù hợp. Do vậy buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm về khoản gốc, lãi nêu trên.

2.3 Xem xét hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp : Đề bảo đảm cho khoản vay trên, hộ gia đình ông Nguyễn Duyên T đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại :Thửa đất số 533; tờ bản đồ số 04; diện tích 197,0m², địa chỉ thửa đất: Thôn Tử Dương, xã Cao Thành - huyện Ứng Hòa, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T002689, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00317 QSDĐ/UH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 12/4/2004 cho hộ ông Nguyễn Duyên T. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01271.2012 ngày 27/9/2012; số công chứng: 0271.2012, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/9/2012 tại văn phòng công chứng Trần Gia (Nay là văn phòng công chứng Trần Hoàng Lâm), đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/9/2012. Giá trị tài sản bảo đảm tại thời điểm thế chấp là 850.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*).

Xét thấy các bên đã tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng số 1644 và 2439; hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở do tự nguyện, chủ thể có đủ điều kiện, về hình thức bằng văn bản. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy về nội dung và hình thức 02 hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý, hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Duyên T đã được Ngân hàng giải ngân số tiền 500.000.000đ từ Ngân hàng bằng hợp đồng số 1644 và 2439 cùng 05 giấy nhận nợ. Nay do ông T không trả được tiền gốc, lãi theo hợp đồng, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng.

[3] **Về nghĩa vụ liên đới trả nợ của vợ chồng** : Theo hợp đồng tín dụng chủ thể tham gia ký kết là ông Nguyễn Duyên T. Tuy nhiên mục đích vay tiền Ngân hàng là để chăn nuôi lợn làm ăn kinh tế, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, ngoài ra bà Phùng Thị T (Vợ ông T) là người ký kết hợp đồng thế chấp để ông T vay tiền làm ăn nên phải biết việc vay vốn để làm ăn kinh gia đình, hơn nữa đại diện Ngân hàng phụ trách khu vực xã Cao Thành thường xuyên kiểm tra mục đích vay tiền và chính quyền địa phương đều khẳng định số tiền ông T vay để làm ăn kinh tế gia đình. Với những căn cứ trên, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ, chồng ông T, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ Ngân hàng.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số nợ gốc, lãi (Trong hạn, quá hạn) phát sinh theo hợp đồng tín dụng số số 2439 ngày 31 tháng 10 năm 2014 là 784.362.150 đồng (*Bảy trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc 476.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 66.685.050 đồng; nợ lãi quá hạn : 308.162.150 đồng cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T, bà T không thực hiện được việc trả nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (nêu trên) để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

[5] **Về áp dụng pháp luật** : Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng với các đương sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật ban hành quy phạm pháp luật thì áp dụng pháp luật tại thời điểm xác lập là các quy định có liên quan như : Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Nghị định văn bản hướng dẫn về giao dịch bảo đảm

[6] **Về án phí** : Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền nợ 784.362.150 đồng cụ thể : 20.000.000đồng + (384.362.150 x 4%) = 35.374.486 đồng. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chi án phí nên được hoàn lại số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009682 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

[7] **Về quyền kháng cáo** : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, kiểm sát viên tham gia phiên Tòa đã nhận xét về thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích, đánh giá toàn diện chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 63, 91, 96, 97; 147, 179, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 92, 93, 342, 349; 350, 351, 355, 715, 716; 718, 719 và 721 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 3 Điều 40, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (Sửa đổi bổ sung năm 2004);

Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 đều của Hội đồng thẩm phán Tòa án;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;

Quyết định số 1627/2001 của Ngân hàng Nhà nước về Quy chế cho vay; Quyết định số 546/2002 ngày 30/5/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Buộc ông Nguyễn Duyên T và bà Phùng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, trả tại phòng giao dịch Cầu Lão thuộc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Ứng Hòa, Hà Tây số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 2439 ngày 31 tháng 10 năm 2014 và theo 05 giấy nhận nợ, tính đến ngày 11/8/2020 tổng số tiền ông T, bà T phải thanh toán trả Ngân hàng là 784.362.150 đồng (*Bảy trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng*), trong đó: Nợ gốc 476.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 66.685.050 đồng; nợ lãi quá hạn : 308.162.150 đồng.

Kể từ ngày 12/8/2020 ông Nguyễn Duyên T và bà Phùng Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nếu có sự điều chỉnh lãi thì phải thực hiện điều chỉnh theo quy định của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc.

3. Trường hợp ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ, cụ thể tài sản thế chấp : là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại :Thửa đất số 533; tờ bản đồ số 04; diện tích 197,0m², địa chỉ thửa đất: Thôn Tử Dương, xã Cao Thành - huyện Ứng Hòa, Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T002689, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00317 QSDĐ/UH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cấp ngày 12/4/2004 cho hộ ông Nguyễn Duyên T. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01271.2012 ngày 27/9/2012;

số công chứng: 0271.2012, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/9/2012 tại văn phòng công chứng Trần Gia (Nay là văn phòng công chứng Trần Hoàng Lâm), đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 27/9/2012. Tài sản được bảo đảm cho toàn bộ khoản nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ. Nếu sau khi xử lý sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Duyên T.

4. Trường hợp ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T trả được toàn bộ khoản nợ theo Điều 2 của Quyết định này thì Ngân hàng có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp theo quy định pháp luật để trả lại giấy tờ nhà đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho hộ ông Nguyễn Duyên T.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T phải chịu 35.374.486 đồng (*Ba mươi năm triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được hoàn lại số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009682 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, buộc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối Ngân hàng, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú đối với ông Nguyễn Duyên T, bà Phùng Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan./.

Nơi nhận :

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THA dân sự huyện Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Niêm yết tại UBND xã Cao Thanh, Ứng Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Trung